

Quan điểm của tiến sỹ Ten-Broek về người mù và tật mù

Tài liệu do ông Lê hồng Thủy dịch từ tạp chí Braille Monitor số tháng 7 năm 2011 của Liên đoàn người mù Mỹ.

Như chúng ta đã biết, tiến sỹ Jacobus Ten-Broek không chỉ là người sáng lập ra Liên đoàn người mù Mỹ mà còn là nhà triết lý, đặt nền móng tư tưởng tinh thần cho Liên đoàn. Ông đã viết và trình bày nhiều bài nói về tật mù và người mù, mục tiêu phấn đấu của Liên đoàn người mù Mỹ. sau đây xin giới thiệu bài nói của ông tại Đại hội của hội những Lao động Làm việc cho người mù Mỹ họp tại Quebec, Canada tháng **6/1955** nhan đề: ***Những cái cần ủng hộ và chống lại trong thái độ đối xử với tật mù.*** Bài này được đăng lại trong tạp chí Braille Monitor tháng 7 năm 2011 nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông.

* Trước khi nghiên cứu bài này xin được giới thiệu để độc giả hiểu thêm về người dịch nó: Ông LÊ HỒNG THỦY là một cựu chiến binh, thương binh hỏng mắt hạng 1/4, nguyên là Phó Chủ Tịch kiêm Tổng Thư Ký Trung Ương Hội Người Mù Việt Nam. Khi dịch cuốn tài liệu này ông đã bước vào tuổi 82, không chỉ bị hỏng hoàn toàn cả hai mắt mà ông còn bị thêm bệnh điếc cả hai tai. Nhưng với nghị lực của mình suốt trên 15 năm qua (kể từ khi nghỉ hưu), ông vẫn làm việc rất cần mẫn để dịch các tài liệu chữ nổi từ tiếng Anh, Pháp ra tiếng Việt giúp cho người khiếm thị Việt Nam hiểu về hoạt động của người mù và các tổ chức người mù trên thế giới.

Trước hết, cần định nghĩa từ “người mù và tật mù”. Theo đúng nghĩa đen, mù có nghĩa là mất đi khả năng nhìn, thiếu đi độ nhìn tinh của mắt. Nó tuyệt đối nói đến một điều kiện về thể chất. Người mù đơn giản là người không thể nhìn thấy; không hơn, không kém. Tuy nhiên, từ tật mù có một nghĩa bóng rộng hơn. Nó có nghĩa là bị hạn chế về xã hội, bị hạn chế trong tiếp xúc, về kinh tế, cơ hội và hoạt động. Mất khả năng nhìn là mất đi khả năng trở thành thành viên đầy đủ của xã hội. Sự khác nhau giữa nghĩa thật

(nghĩa đen) và nghĩa suy rộng (nghĩa bóng) về từ “mù” và “tật mù” đúng là sự khác biệt giữa từ ”tàn tật” và sự “tàn phế, bất lực”.

Tàn tật là chỉ một sự khiếm khuyết về thể chất, còn tàn phế, bất lực là chỉ hậu quả xã hội, của quan điểm cách nhìn của xã hội đối với sự tàn tật.

Sự khác biệt này có thể nhận thấy ở chỗ có những sự tàn tật gây ra rất ít hoặc không gây ra sự tàn phế, bất lực. ví như những người lùn vẫn có thể làm người cưỡi ngựa đua, những người cao quá khổ vẫn có thể làm đấu thủ bóng rổ. Cũng như vậy, có những sự tàn phế, bất lực nhưng không phải do sự tàn tật; ví dụ như: Một số người Mỹ gốc da đen bị tàn phế không phải do màu da của họ. hay như, trong thế giới đại chiến 2, phát xít Đức bắt những người Do thái đưa vào giam ở các trại tập trung, thậm chí thủ tiêu trong các lò đốt và cho đó là giống người hạ đẳng làm hạ thấp giống nòi.

Sự tàn tật là mối quan tâm của ngành y tế. Chúng ta chẳng có thể làm gì nhiều cho sự tàn tật thể chất của tật mù, trừ việc chữa trị cho khỏi hay chịu sống chung với nó. Nhưng chúng ta không chỉ sống riêng với tật mù; chúng ta sống cùng với những người khác; có nghĩa là chúng ta sống trong xã hội. Chính xã hội đã tạo ra và đã áp đặt sự tàn phế, bất lực của tật mù vào những người mù. Nó xuất phát từ những quan niệm sai lầm của những người sáng về bản chất của sự tàn tật thể chất của tật mù.

Quan niệm sai lầm chính, thấm đượm và ảnh hưởng đến tất cả các quan niệm và sai lầm khác là quan niệm cho rằng tật mù là bất lực, là sự bất lực về xã hội và kinh tế, sự tiêu hủy về khả năng, hiệu xuất, sự mất khả năng để cống hiến hay hưởng lợi từ cộng đồng bình thường. Tóm lại, đó là hình ảnh từ cổ xưa về sự bất lực của người mù.

Ba điều cần bình luận về quan niệm tàn phế, bất lực của xã hội đối với tật mù:

1. Đặt tật mù dưới trách nhiệm của người sáng. Hơn thế nữa, quan niệm sai lầm này phê duyệt một kiểu xã hội dựa trên sự hảo tâm, điều trên hết là tạo ra một sự hảo tâm đối với sự bất lực.
2. Ở nơi nào và việc này xảy ra ngày càng nhiều, nếu có người mù nào chọc thủng được các rào cản hạn chế sự thành công của họ, xã hội lại gán việc ấy cho tài năng

xuất chúng, siêu phàm, siêu nhân của những người mù ngoại lệ ấy. Bằng lập luận đó, xã hội vẫn duy trì quan niệm chung đối với người mù là tàn phế, bất lực.

3. Quan niệm của xã hội đối với người mù dần dần cũng trở thành quan niệm của chính người mù với bản thân họ. Người mù nhìn bản thân họ như những người khác nhìn nhận về họ. Họ chấp nhận cách nhìn của xã hội về các hạn chế của họ, tiếp đó, làm rất nhiều để làm cho các điều ấy trở thành hiện thực.

Phần lớn mọi người phóng đại khía cạnh tàn tật, trong khi kém nhấn mạnh về mặt xã hội của tật mù.

Cha CAROLL, Chủ tịch Hội những người lao động làm việc cho những người mù Mỹ đã định nghĩa tật mù bằng cách lập ra một bản thống kê 20 điểm thiếu hay mất đi do tật mù. Tôi ngưỡng mộ Cha CAROLL nhiều hơn vì ông đã bỏ công sức ra để làm bảng thống kê hơn là chất lượng bảng thống kê. Nhìn chung ông cũng phạm sai lầm về cách nhìn tật mù. Trong bảng thống kê, ông kể ra nhiều thiếu và mất trực tiếp liên hệ đến sự tàn tật thể chất của tật mù, các hậu quả trực tiếp đối với bản thân người bị tàn tật, trong khi chỉ liệt kê ít về các thiếu hay mất do hậu quả về mặt xã hội. Sau đây xin kể ra 20 điểm thiếu hay mất trong bảng thống kê của Cha CAROLL:

1. Mất sự hòa nhập thể chất;
2. Mất sự tự tin vào các giác quan còn lại;
3. Mất sự tiếp xúc với hiện thực;
4. Mất vốn kiến thức tích lũy được qua mắt nhìn;
5. Mất đi nguồn ánh sáng;
6. Mất đi sự cơ động;
7. Mất sự cảm nhận bằng mắt nhìn: vẻ đẹp mắt nhìn;
8. Mất đi sự cảm nhận mắt nhìn: Các thú vui từ mắt nhìn;
9. Mất sự dễ dàng trong giao tiếp bằng viết;
10. Mất đi sự dễ dàng trong giao tiếp bằng lời nói;
11. Mất phương tiện để tiến bộ về thông tin;
12. Mất sự vui chơi, giải trí;
13. Mất các kỹ năng của cuộc sống hàng ngày;
14. Mất đi khả năng nghề nghiệp: Mục tiêu hướng nghiệp; Cơ hội việc làm;

15. Mất đi sự an toàn về tài chính;
16. Mất sự độc lập cá nhân ;
17. Mất sự thích nghi với xã hội;
18. Mất sự tối tăm, sự vô danh;
19. Mất đi tính tự trọng;
20. Mất toàn bộ việc tổ chức nhân cách cá nhân.

Tôi muốn các bạn không nghĩ là tôi đã giảm nhẹ tầm quan trọng của sự tàn tật thể chất của tật mù. Không có thị lực, phạm vi cảm nhận của con người bị thu hẹp. Các vật có thể nhìn thấy từ xa phải ở trong tầm tay với để người mù có thể nhận ra chúng bằng giác quan khác. Một người mù không hề va vào các vật thấp hơn người, đá vào các đồ chơi để không cần thận, vương vãi ở sàn nhà hay không bao giờ đụng đầu vào các cành cây hoặc các tấm biển cao ngang đầu của người ấy thì có nghĩa là người mù ấy chưa bao giờ rời khỏi chiếc ghế của mình để đi lại bất kỳ trong hay ngoài nhà. Người mù gặp không ít những lúng túng không thể phủ nhận, không ít các điều không thoải mái; nhưng các thứ này đều được xếp đúng đắn vào loại những phiền toái nhỏ, thứ yếu. *Kinh nghiệm bản thân tôi cho thấy người mù nào muốn di chuyển và thực sự đưa chân để làm việc ấy thì người mù ấy chắc chắn sẽ đến được nơi mình muốn đến.*

Ở hầu hết các sự kiện, điểm chính yếu gây trở ngại cho tật mù không phải là sự tàn tật thể chất của tật mù hay hậu quả tức thời nó gây ra cho tật mù mà ở sự tàn phế, bất lực mà xã hội gán cho tật mù. Do vậy, điều quan trọng nhất là phân tích bản chất chính xác về sự tàn phế, bất lực của tật mù. Sự tàn phế, bất lực của tật mù gồm những gì? Những yếu tố nào tạo ra nó? Bị tàn phế từ xã hội có nghĩa là gì? Các quyền của một thành viên của xã hội gồm những gì và do đó người mù đã bị tước bỏ mất?

Để trả lời những câu hỏi này ta phải chỉ ra các nét chính yếu của xã hội Mỹ. Bởi vì, người mù bị từ chối sự tham gia và có các nét ấy của xã hội Mỹ và chính điều này đã tạo ra sự tàn phế, bất lực của người mù Mỹ về mặt xã hội. Do vậy, quá trình trả lời những câu hỏi trên đây chính là quá trình duyệt xét lại, phát biểu lại các tư duy xã hội và chính trị, các luận thuyết về hiến pháp, nhắc lại các lý thuyết, các nguyên tắc, các quan niệm chứa đựng ở trong ấy

Nhiệm vụ phát biểu lại các quan niệm, các mục tiêu về xã hội và chính trị của nước Mỹ trở nên phức tạp hơn do một số yếu tố gây ra. Nguyên tắc chính yếu về xã hội và chính trị của nước Mỹ: Bình đẳng, tự do, hữu sản, phẩm giá thường lồng ghép hòa quyện với nhau khiến khó có thể tách riêng từng từ một để giải thích riêng, căn kỹ và đầy đủ về từ ấy. Việc nhấn mạnh từ này hay từ khác cũng chỉ thay đổi tùy theo từng thời kỳ lịch sử của nước Mỹ, tùy theo phong trào từng lúc, tài liệu sử dụng, tùy theo khả năng nổi bật của người viết tài liệu hay diễn giả trình bày. Bình đẳng là điểm có tính bao trùm trong bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ. Tài sản là quan niệm tương đối mạnh mẽ trong bản hiến pháp Mỹ. Ở thế kỷ XXI, khi sự giàu có và địa lý mang lại một sự an toàn về quân sự cho nước Mỹ, và đất đai tự do là biên giới mở, mang cho các cá nhân nước này một cảm giác an toàn về kinh tế, thì an ninh được nhấn mạnh và sự tự do được nâng lên vị trí hàng đầu. Ngày nay, như Ralph Henry Gabriel đã viết : “ Khi các nền tảng văn hóa truyền thống đã thay đổi, khi chính phủ bằng pháp luật mở đường cho chính phủ có thể rơi vào những lực lượng thiếu trách nhiệm, mối quan tâm về tự do như là một mục đích cuối cùng, được thay thế bằng sự tìm kiếm an ninh về tinh thần, xã hội, kinh tế và ngay cả về thể chất”

Cuối cùng việc phát biểu các nguyên tắc xã hội và chính trị Mỹ còn có khó khăn trước thực tế là chúng không cố định và có sự thay đổi. Mỗi thế hệ, mỗi thập kỷ là một thời kỳ hình thành và phát triển của Hiến pháp Mỹ. Ở thế hệ ngày nay cũng có quá trình sáng tạo trong giải luận và áp dụng các nguyên tắc xã hội và chính trị Mỹ trong lĩnh vực tổ chức Quốc tế và lĩnh vực kinh tế xã hội. Cho dù có khó khăn trong phát biểu ra các nguyên tắc ấy, các yếu tố chính yếu của chúng đã được chấp nhận và tồn tại từ lâu trong các tài liệu gốc của lịch sử nước Mỹ, cụ thể là: tự do, bình đẳng, tài sản và phẩm giá. Chúng đã tồn tại trong quá khứ và vẫn là căn bản cho các chính phủ Mỹ hiện nay và cả trong tương lai. Các tài liệu gốc ấy gồm: Bản tuyên ngôn độc lập; đạo dụ Tây Bắc; lời mở đầu Hiến pháp Mỹ; các Hiến pháp các bang; điều bổ sung, sửa đổi của cuộc nội chiến Mỹ đối với Hiến pháp nước này và lời tuyên bố nổi tiếng của Tòa án Tối cao Mỹ.

a. Tự do: Trong tư duy chính trị Mỹ, tự do có nhiều đáng vẻ và nhiều nguồn. Nó vừa tích cực, vừa tiêu cực. Nó vừa là chính trị, kinh tế, cá nhân riêng tư và xã

hội theo một nghĩa rộng rãi. Nó thiết lập sự cân bằng giữa các yêu cầu của Hiến pháp, sự tự do nhằm bảo vệ, chống lại ý muốn của đa số, bất kể ý muốn ấy được biểu hiện đến mức nào hay thể hiện tính áp bức hay tùy tiện ra sao. Ở trạng thái này, nó được du nhập vào một loạt hình thức để kiểm chế các hành động của chính phủ, và các quyền hành được tổ chức của xã hội. Sự tồn tại các qui định về cấu trúc chính trị xã hội, sự tồn tại của Hiến pháp đòi hỏi phải có hệ thống để hạn chế chính phủ. Một phần có tính ngự trị trong tư duy xã hội và chính trị Mỹ bao giờ cũng quan niệm “ các quyền qui định trong Hiến pháp Mỹ là sở hữu của cá nhân, ngay cả khi không được đảm bảo như vậy . Cho dù đó là quyền tự nhiên, tạo hóa ban tặng quyền qui định trong Luật pháp tinh thần luật pháp bậc cao hay các quan niệm khác nhau về bản chất cơ bản của con người và xã hội. Quan niệm này được biểu thị một cách thường xuyên qua lịch sử Mỹ. Hình thức tiêu chuẩn của nó được phát biểu trong bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ. “ người ta sinh ra bình đẳng. Tạo hóa ban cho họ những quyền không thể chối cãi, trong đó có quyền sống, tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc. Bởi các quyền này nên chính phủ được lập ra để gìn giữ, bảo vệ cho cá nhân chứ không phải để tạo ra hay làm hao mòn các quyền ấy”.

Quan niệm các quyền được coi như rất quan trọng bằng cách nào đó là các quyền tự nhiên tạo hóa ban tặng hay các quyền đến từ các luật bậc cao, dựa trên một quan điểm triết học. Quan niệm này hiện nay đã mất đi khá nhiều về tính thuyết phục và sự ủng hộ, cho dù nó vẫn còn giá trị.

Tôi đã đề cập đến mặt dân chủ của hiến pháp. Đây là mặt tích cực của quyền tự do. Nó thực hiện quyền của cá nhân trong tham gia công việc của Chính phủ, trong xác định chiều hướng của xã hội và các chính sách. Nền tảng của nó là quyền tối thượng của nhân dân và sự thỏa thuận của Chính phủ. Sự thực thi của nó là thông qua bỏ phiếu bầu cử, việc tìm kiếm và nắm giữ các chức vụ và quyền của đa số trong cai quản. Điều kiện cần thiết là phải có tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp.

Ngoài việc có cơ hội để tham gia vào công việc của Chính phủ như là một công dân, sự tự do còn tích cực ở chỗ Chính phủ chịu trách nhiệm về các quyền

của cá nhân. Dĩ nhiên, Chính phủ không thể làm đầy đủ mọi thứ cho việc này, vì Chính phủ cũng bị hạn chế không được xâm phạm vào quyền của cá nhân. Chính phủ phải bảo vệ không để những người khác xâm phạm vào quyền của một cá nhân nào đó. Chính phủ phải loại bỏ và kiểm soát các điều kiện có thể làm triệt tiêu các quyền của cá nhân, hoặc làm cho việc thực thi các quyền ấy là không thể được. Chính phủ phải nuôi dưỡng, cổ vũ, thiết lập và duy trì các điều kiện làm cho việc thực thi các quyền của cá nhân là có thể được và có ý nghĩa.

Quốc hội Mỹ như đã quy định trong hiến pháp Mỹ, có nghĩa vụ ”Thiết lập luật pháp, đảm bảo yên tĩnh trong nước, góp phần vào sự phòng thủ chung, cổ vũ cho phúc lợi và an ninh, phù hộ cho sự tự do của thế hệ hiện nay và mai sau”.

Các cá nhân có quyền sống, tự do cá nhân và an ninh cá nhân. Cá nhân có quyền lấy vợ, lấy chồng, sinh và nuôi con, duy trì một ngôi nhà. Cá nhân có quyền trong chừng mực Chính phủ đảm bảo được, cơ hội để kiếm sống. Điều này làm cho các quyền khác trở lên có thể được và có ý nghĩa. Cá nhân không thể bị buộc chân ở nơi họ bị nghèo túng; họ có thể di chuyển tự do trong nước để tìm kiếm việc làm mới. Cơ hội mới. Cá nhân có quyền tự do lựa chọn lĩnh vực mình muốn hoạt động, không bị cản trở bởi sự tùy tiện, các trở ngại nhân tạo hay do con người làm ra. Cá nhân có quyền đi vào khu vực thương mại, kêu gọi việc làm chung của cộng đồng. Cá nhân có quyền, nếu họ là tự do để quản lý các công việc của bản thân họ, trừ khi và cho đến khi người khác có quyền bình đẳng để quản lý các công việc của họ và có sự tổn hại cho phúc lợi của cộng đồng.

b. Quyền bình đẳng, lý tưởng về sự bình đẳng trong lịch sử Mỹ chỉ đứng thứ hai của bình đẳng. Thực tế, sự bình đẳng bao giờ cũng bị sự tự do dằn buộc điều kiện và xác định tính chất của nó cũng như sự tự do bao giờ cũng bị các điều kiện dằn buộc và xác định tính chất của tự do. Sự thật hiển nhiên đầu tiên nêu ra trong Tuyên ngôn Độc lập Mỹ là:

“ Người ta sinh ra bình đẳng...” ALEXISDE Tocqueville năm 1835 miêu tả sự bình đẳng ở Mỹ như là **“yếu tố cơ bản mà tất cả các thứ khác hình như đều phụ thuộc vào đấy mà ra và điểm trung tâm là các nhận xét của ông bao giờ cũng kết thúc ở đấy.”** Theo quan điểm của ông, bình đẳng chỉ ra một phương hướng đúng

đến cho công luận một nội dung đúng đắn cho các đạo luật, gọi ra các châm ngôn mới và thói quen tốt cho chính phủ. Nó vươn xa rất nhiều so với tính chất chính trị mà các luật pháp của đất nước và có hiệu quả chẳng kém hơn ở xã hội dân sự so với chính phủ nó tạo ra quan niệm, làm nảy nở các tình cảm mới làm thay đổi những gì mà nó chẳng sản xuất ra.

Bình đẳng còn hơn cả tự do đúng ở tuyến đầu trong đấu tranh, lịch sử của nước Mỹ chống lại việc hủy bỏ tài sản ở con người và hiến lập chế độ nô lệ. Và cùng với sự tự do, bình đẳng đã xuất hiện qua cuộc bỏ sung sửa đổi hiến pháp mỹ qua cuộc nội chiến ở nước này. Điểm bỏ sung, sửa đổi số 13 đã giải phóng con người khỏi chế độ nô lệ, ban hành quyền tự do khắp nước, bảo đảm trong cả nước không còn những gì chế độ nô lệ xác lập về quyền chẳng cho tất cả mọi người, làm cho mọi người được hưởng sự bảo vệ về các quyền tự nhiên ấy và đó chính là sự tự do. Điểm sửa đổi bỏ sung số 14 tái khẳng định các mục tiêu trên và thêm vào một sự đảm bảo được dẫn giải một cách rõ ràng về sự bảo vệ bình đẳng của pháp luật; như vậy đưa thêm một sự khẳng định mạnh mẽ về sự thật hiển nhiên **“mọi người đều sinh ra bình đẳng và đều được bình đẳng về sự bảo vệ của chính phủ để được hưởng các quyền tự nhiên và không thể chối cãi của họ”**.

Cũng giống như tự do, bình đẳng cũng có nhiều giai đoạn. Một trong các giai đoạn liên quan đến luận thuyết về “sự phân loại đúng đắn” luật pháp hiện hành phải nhằm thực hiện được một mục tiêu công cộng hay hiến pháp nào đó. Do thực sự có sự khác nhau giữa người này, người khác nên luật pháp sẽ không có hiệu quả nếu chúng chỉ được thiết kế để áp dụng cho tất cả mọi người, không thì thôi. Do vậy, luật pháp có sự lựa chọn. Nhưng để được bình đẳng, luật phải đối xử giống nhau với tất cả những người ở hoàn cảnh giống nhau. Điểm khá khác nhau giữa các con người được lựa chọn làm cơ sở cho luật phải là điểm khác nhau thực sự và phải có quan hệ mật thiết với mục đích của luật và có giá trị về mục tiêu xã hội.

Tất cả các khác biệt khác là không phù hợp và phải bỏ qua, phớt lờ Luận thuyết về “pháp luật theo nhóm” đã tập kết như sau: “phân biệt đối xử với người này, ưu ái với người kia là điều bị cấm. nhưng luật pháp nhằm thi hành một mục đích công cộng được thi hành với điều kiện hạn chế là trong lĩnh vực nó được thi

hành nó ảnh hưởng giống nhau với tất cả những con người có hoàn cảnh giống nhau. Việc này không nằm trong điều bổ sung, sửa đổi của hiến pháp.

Một giai đoạn khác về ý kiến của sự bình đẳng là luật lệ của luật lệ. Nếu tất cả người đều sinh ra bình đẳng và bình đẳng có một số quyền, và Chính phủ được lập ra để gìn giữ và duy trì các quyền ấy. **Do đó, con người có quyền được hưởng sự bảo vệ ấy thì sự bảo vệ ấy phải được thi hành với luật lệ đồng nhất, có nghĩa là bằng luật pháp. Cách khác để biểu thị điều này là “bình đẳng trước pháp luật” cũng có thể nói theo cách của một đạo luật ở bang Massachusetts: “Chính phủ của luật, không phải Chính phủ của con người”.** Ở trạng thái này, điều yêu cầu là Chính phủ hành động bằng cách thiết lập ra các luật lệ và đồng nhất các luật lệ. Yêu cầu với Chính phủ là phải giảm thiểu, tiến tới loại bỏ các tùy tiện, ngông cuồng, thuần túy cá nhân trong thực thi quyền hành. Cũng yêu cầu các luật lệ phải cố định và phải được thông báo trước, phải có sẵn cho công chúng sử dụng.

Sự bảo vệ bình đẳng của pháp luật đòi hỏi chất lượng của pháp luật cũng như cơ chế để thi hành pháp luật. Do vậy, bình đẳng phải là mục đích thật của tất cả các hành động của Chính phủ, của chính sách cũng như các phương tiện để thực hiện và đo lường việc thi hành. Nó phải định hướng được công luận, nêu ra những gì pháp luật cần làm, gọi ra các phương châm cho Chính phủ và làm thay đổi những gì nó không sản xuất ra.

Điều đặc biệt là Chính phủ có nhiệm vụ bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội. Không có bình đẳng về cơ hội, bản thân sự tự do cũng không tồn tại được lâu và trở thành một ảo tưởng. Bình đẳng cho mọi người đặt ra vấn đề phải tôn trọng quyền của những người khác. Ở một xã hội bình đẳng, do vậy, con người được giải phóng khỏi sự khác biệt. Mọi hạn chế về cơ hội, mọi kỳ thị đối với cá nhân vì lý do khác biệt về chủng tộc, màu da, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc, giới tính và những thứ tương tự là mâu thuẫn với sự bình đẳng và phải được tháo bỏ cấm đoán. Tiếp cận cuộc sống ở trào lưu chính của xã hội, khát vọng và thành tựu của mỗi thành viên trong xã hội chỉ bị giới hạn bởi kỹ năng, sức lực, tài năng, khả năng mà thành viên ấy bỏ ra cho cơ hội mở ra bình đẳng cho mọi người Mỹ.

c. Quyền về tài sản và hợp đồng: Quyền về tài sản và hợp đồng được coi là quyền cơ bản trong cuộc sống của nước Mỹ. **Quyền về tài sản cùng với quyền sống, quyền tự do được liệt kê là ba quyền lớn của những con người tự do** ở trong Magna Carta, Chương 39. Nó cũng xuất hiện như vậy ở Hiến pháp các bang Mỹ sớm hay muộn ở trong Đạo dụ Tây - Bắc năm 1787, trong Hiến pháp Mỹ, điểm bổ sung sửa đổi số 5 và số 14 và ở những tài liệu khác nữa.

Quyền tự do và quyền tài sản hợp đồng nếu không phải là ý niệm có thể giao hoán được với nhau, sẽ chối buột nhau.

Quyền hợp đồng đôi lúc được nói là một sự cố cho quyền về tài sản, đôi lúc phải được nói như là một trạng thái độc lập của quyền tự do. Quyền tài sản được một số người miêu tả như đủ rộng để bao gồm tất cả các quyền khác của cá nhân. Trong đó có quyền được sống. Trong khi đó, quyền tự do lại được những người khác coi như đủ rộng để bao gồm quyền mưu cầu, sử dụng và hưởng tài sản. Do vậy, ba quyền tự do, tài sản và hợp đồng trong tư duy Mỹ là kết hợp gần gũi với nhau.

Quyền tài sản và hợp đồng không phải là vô giới hạn; trái lại, đặt dưới sự kiểm soát công cộng trong lợi ích công cộng. Các quyền này có thể bị điều chỉnh và ở một số trường hợp bị tiêu hủy hoàn toàn. Nếu đó là cần thiết để bảo vệ cộng đồng chống lại thiệt hại hay nguy hiểm ở bất kỳ dạng nào, chống lại gian lận, các lỗi, sự suy tụt kinh tế đè nén kinh tế bất tiện nghiêm trọng cho lĩnh vực công cộng hay do các thảm họa khác. Quyền hạn kiểm soát rộng ngang nhau giữa hoạt động xã hội và kinh tế của con người. Quyền hạn này chỉ bị giới hạn bởi bản chất của các hành động bị cấm hay được yêu cầu và được biện minh là các hành động này có quan hệ trực tiếp với phúc lợi công cộng hay quyền bình đẳng về tài sản của người khác.

Quyền hạn của các bang đối với quyền tài sản và hợp đồng của cá nhân, tuy nhiên, không bị tiêu cực hay sự cố trong quyền hạn ban hành luật pháp về sức khỏe, an toàn, tinh thần, phúc lợi chung của cộng đồng. Tính chất cơ bản của các quyền và mục đích của Chính phủ với các quyền ấy không thể bị thu nhỏ hay bỏ qua. Mục đích ấy nghĩa ở trường hợp đối với quyền tự do là để bảo vệ, gìn giữ, duy trì và nuôi dưỡng quyền. Hệ quả là quyền hạn để ban hành luật lệ để sử dụng tài sản và hợp đồng không thể thực hiện được ở một số hoàn cảnh rất hiếm hoi; trường

hợp này phải chuyển đổi sang quyền trực tiếp nắm bắt lấy tài sản và hợp đồng. Trường hợp phải từ bỏ nhiệm vụ hàng đầu và được khẳng định đối với những quyền này, các bang phải duy trì thường xuyên việc xem xét giá trị thiết yếu của tài sản từ trong hệ thống của nước Mỹ. Nó là một yếu tố trung tâm trong tổ chức xã hội lúc này. Nó là một nguồn cổ vũ cần phải có. Nó là yếu tố kích thích chính cho các hoạt động sinh lợi. Nó là sự tưởng thưởng cho lao động và cống hiến. Nó tức khắc là mục tiêu cho sự thành công của các doanh nghiệp riêng lẻ và là phương tiện để đạt tới sự thành công ấy. Vì hợp đồng là hình thức để biểu thị và quản lý các phương tiện hình thức này không chỉ được phần lớn các hoạt động kinh doanh sử dụng mà còn được dùng trong các giao dịch hàng ngày.

Quan niệm về tự do là cách nhìn dân chủ về vai trò của cá nhân trong xã hội, mối quan hệ với cấp bang, các phẩm giá và giá trị chính yếu của cá nhân. Chính cá nhân có các quyền cơ bản và không thể chối cãi. Cá nhân là khởi đầu và kết thúc của bang. Các cá nhân tổ chức ra bang và trao quyền hành cho bang. Quyền hành được trao cho là để bang bảo vệ cho họ các quyền của họ và để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho sự biểu thị tối đa của họ. Các bang tồn tại vì lợi ích của các cá nhân thành viên, không phải các cá nhân tồn tại vì lợi ích của các bang. Đó là cơ sở để phẩm giá và các quyền hành của các cá nhân được tôn trọng

Tôi đã nói về thái độ đối xử . không đúng đắn đối với tật mù. Sự đối xử này dựa trên quan điểm sai lầm, thành kiến cho tật mù là thành kiến, bất lực. Tuy nhiên cũng có thái độ đúng đắn đối với tật mù. Thái độ này dựa trên ba cơ sở sau đây:

- a. Dựa trên một lượng định đúng đắn và chính xác về phẩm chất và nhu cầu riêng, đặc biệt của người mù;
- b. Dựa trên một sự đánh giá đúng đắn về chính sách công cộng hay mục tiêu xã hội mà thái độ đúng đắn với tật mù tìm cách đạt được;
- c. Có phương tiện vận dụng thích hợp để thực thi được thái độ đúng đắn mong muốn đó; Có nghĩa là phương tiện vừa có quan hệ gần gũi, dôi dào với phẩm chất và nhu cầu riêng của người mù, vừa có quan hệ gần gũi và dôi dào với chính sách công cộng và mục tiêu xã hội mà người mù muốn đạt tới.

Dựa vào các điều tôi đã nói ra trên đây, có thể nêu ra một số đề nghị sau đây:

1. Thái độ đối xử với tật mù dựa trên các quan niệm không đúng như: Thành kiến, kể cả, thương hại, từ thiện, lợi ích riêng của những người khác, dựa trên thích hay không thích, dựa trên ưu ái, tạo thuận lợi quá đáng hoặc siêu bảo vệ đều không thể biện minh được và thực sự gây ra nhiều tai hại. Mặt khác, thái độ đối xử có tính đến các phẩm chất và nhu cầu riêng đúng đắn của người mù hay đến tình cảnh riêng của họ mà những người khác không chia sẻ và nhằm tới một mục tiêu xã hội mong muốn và để đạt tới mục tiêu ấy. Họ đã sử dụng các phương tiện thích hợp, các vận dụng thích hợp thì thái độ ấy không những là biện minh được mà còn phải là nền tảng cho tất cả các chính sách công và tư đối với người mù.

2. Tật mù có hai mặt: Một về tàn tật thể chất và mặt xã hội quan niệm là tàn phế, bất lực. Điều trị về sự tàn tật là nhiệm vụ của y tế; khắc phục sự tàn phế, bất lực là của xã hội, của phục hồi chức năng.

3. Sự tàn phế, bất lực gồm chủ yếu quan niệm sai lầm của người sáng về sự tàn tật thể chất của tật mù và quan niệm về sự tàn phế, bất lực đã dẫn đến loại bỏ người mù ra khỏi xã hội. Điều này có nghĩa là mất đi vai trò là thành viên đầy đủ của xã hội, người mù bị chối bỏ các quyền và các mục tiêu mà những người khác chia sẻ: Tự do, bình đẳng, tài sản và phẩm giá.

Do vậy, khắc phục sự tàn phế, bất lực về tật mù có nghĩa là dỡ bỏ các rào cản... Sự sửa gát, chối bỏ mà quan niệm về tàn phế, bất lực áp đặt cho người mù; thay vào đó, làm cho người mù đạt danh hiệu thành phần đầy đủ và tự do của xã hội, có các quyền: Tự do, bình đẳng, tài sản và phẩm giá. Tóm lại, làm cho người mù được tái hòa nhập vào xã hội.

4. Các chương trình đáp ứng mục đích nêu trên hoặc chuyển động theo chiều hướng này, trong khi nhất thiết phải dính nứ với thái độ đúng đắn, tích cực về tật mù, thỏa mãn các trắc nghiệm, các tiêu chuẩn đặt ra với một chính sách tốt. Các chương trình này sẽ cất đi một gánh nặng không cần thiết mà quan niệm sai lầm của xã hội về sự tàn phế, bất lực của tật mù buộc họ phải mang sau lưng.

Các chương trình của chuyển động theo chiều hướng ngược lại, chấp nhận và xây dựng trên cơ sở các quan niệm sai lầm của công chúng về bản chất của sự tàn tật thể chất của tật mù, cho người mù là bất lực, không có khả năng; nói cách khác: Các chương trình tiếp tục hay gia tăng sự xua gạt của xã hội, các chương trình cổ vũ cho việc cư mang, từ thiện, thành kiến hay vì lợi ích riêng tư chỉ tăng cường sự tàn phế, bất lực của người mù, chỉ duy trì các thái độ sai lầm, các điều kiện tồn tại của các quan niệm ấy. Trong khi chúng được thiết kế để ngăn ngừa và trừ bỏ các thái độ và điều kiện ấy.

5. Thái độ đối xử với người mù được biện minh là đúng đắn nếu:

- a. Nó nhằm cải thiện hậu quả tức thời của sự tàn tật thể chất của tật mù.
- b. Hướng về cái ngày mà sự hòa nhập xã hội đã hoàn thành, triệt tiêu hậu quả của sự bãi bỏ của xã hội, giảm thiểu các bất lợi nảy sinh từ ấy bằng các phương tiện không thúc đẩy sự trở lại của các quan niệm sai lầm của công chúng hoặc nếu có, ở mức tối thiểu có thể được:

6. Để có thể nhất quán với các tiêu chuẩn nêu ra trong các nguyên tắc cơ bản của quan hệ trong xã hội, chính trị, hiến pháp Mỹ, các chương trình cho người mù phải:

- a. Để cho người mù tự quản lý các công việc cá nhân của họ và làm việc ấy với quan niệm là người mù có khả năng làm như vậy.
- b. Không chỉ cho phép mà còn cổ vũ người mù, khuyến khích họ phát huy tiềm năng của họ, chia sẻ thành quả của xã hội và đóng góp vào hoạt động và sự tiến bộ của xã hội.
- c. Để làm điều này, không chỉ cho phép mà còn cổ vũ, khuyến khích các cá nhân người mù tình nguyện vào luyện tập không công ở các doanh nghiệp, để tìm kiếm lĩnh vực họ muốn làm việc và để đi vào lĩnh vực việc làm, nghề nghiệp của cộng đồng.

d. Cổ vũ và khuyến khích người mù làm các việc trên đây bằng cách dựa vào các kiểu kích thích bình thường chính như: Việc làm được trả công, cải thiện kinh tế và chín mùi xã hội.

e. Cho phép, cổ vũ, khuyến khích người mù tạo ra, sử dụng và hưởng thụ tài sản, không phải mục đích là để tiêu dùng tức thời mà chính là một nguồn cổ vũ cho quyền làm việc và cải thiện kinh tế.

f. Bảo vệ phẩm giá chính yếu của cá nhân người mù: Nhìn nhận giá trị của nhân cách con người và đối xử với cá nhân như là một tài sản của cộng đồng, chứ không phải một kẻ xa lạ của cộng đồng; một kẻ ngoại lai; Bằng cách cung cấp cho họ sự trợ giúp, các dịch vụ không có sự rẻ rúng, không có sự xen xọc không đúng đắn vào sự riêng tư của họ, không có sự áp đặt lên họ các danh hiệu như là kẻ bần cùng, khốn khó, người hạ đẳng; không đặt họ vào sự phán xét của những cán bộ công tác xã hội bị ảnh hưởng bởi những quan niệm về nhân đạo, từ thiện, cam chịu hoặc tình cảm khác và làm cho họ có được các tiêu chuẩn và hoàn cảnh để sống và hưởng một cuộc đời như mọi người khác của cộng đồng. Hãy để cho cá nhân người mù được tự do quyết định thu xếp cuộc sống của bản thân họ, giải quyết các công việc của họ.

g. Để đáp ứng đòi hỏi của sự bình đẳng, sự trợ giúp tài chính cho người mù phải được làm như là một quyền của người được thụ hưởng. Các yếu tố về cá nhân mà các nhà quản lý hay các cán bộ phúc lợi xã hội yêu cầu cung cấp kín đáo cho họ phải được hủy bỏ. Số tiền và các điều kiện để được trợ giúp phải được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, trong một văn bản luật duy nhất, để từ đó, người được nhận trợ giúp hay muốn tìm sự trợ giúp chỉ cần căn cứ vào văn bản ấy biết được số tiền và điều kiện trợ giúp có được thực hiện đúng hay không, Người ấy có đủ điều kiện để được trợ giúp hay không cũng như hiểu được trách nhiệm của họ khi được nhận sự trợ giúp. Luật lệ và các tiêu chuẩn quản lý phải được thiết lập và thi hành một cách đồng nhất, đối xử với những người được trợ giúp một cách giống nhau. Họ có cùng hoàn cảnh để được nhận sự trợ giúp, có khác nhau chỉ ở mức độ nặng, nhẹ của hoàn cảnh ấy để được nhận sự trợ giúp với số tiền khác nhau, tùy theo điều kiện và hoàn cảnh. Sự khác nhau này phải là có thực và quy định cụ thể bằng pháp luật.

Cuối cùng, yêu cầu về bình đẳng cũng giống như với sự tự do, phẩm giá và quan niệm thiết yếu về tài sản, mục đích của luật về phúc lợi xã hội là cơ hội và an ninh. Việc trợ cấp cần phải làm khi cần trợ cấp, nhưng nó cũng phải cung cấp phương tiện để thoát ra khỏi trợ cấp.

Tái hòa nhập xã hội thông qua tiếp cận mở và bình đẳng để vào trào lưu chính của cộng đồng để hoạt động một cách sinh lợi phải là một mục tiêu của luật phúc lợi xã hội và là một biện pháp để vận dụng luật ấy. Nếu chính sách cơ bản và các nguyên tắc của hiến pháp của hệ thống Mĩ muốn được thể hiện trên thực tế cũng như để giữ lời hứa

Nếu dùng các tiêu chuẩn nêu trên để đo lường, thẩm định các chương trình và luật pháp cho người mù Mĩ sẽ chứng tỏ thế nào? Câu trả lời là lẫn lộn. Một số chương trình được vận dụng tốt với các nguyên tắc này; một số khác thì tồi và một số khác nữa thì thẳng thừng mâu thuẫn với các tiêu chuẩn và nguyên tắc ấy.

Sự thành lập mới đây và sự trưởng thành nhanh chóng của hệ thống các Trung tâm Định hướng và Điều chỉnh Tật mù đặt trọng tâm vào huấn luyện di chuyển, chăm sóc bản thân, kỹ năng thủ công tiền hướng nghiệp và sự phát triển thái độ giúp đỡ có thể thực hiện có kết quả các hoạt động trên đây là sự định hướng và điều chỉnh đúng đắn, thích hợp để giảm đi các hiệu quả tức thời của sự tàn tật thể chất của tật mù. Để nhỏ nhẹ niềm tin về sự bất lực, không tháo vát của người mù làm nẩy nở lòng tự tin, niềm hi vọng và sự ham sống ở những người này. Hệ thống giáo viên tại nhà cho dù được lập ra để đáp ứng nhu cầu xử lý với người mù tại nhà, và chỉ đến thăm các trung tâm định hướng và điều chỉnh tật mù từng dịp ngắn, nhưng cũng đã chuyển động mạnh mẽ theo hướng của các trung tâm này. Chương trình giáo viên tại nhà hoạt động có hiệu quả hơn như là một nơi tìm kiếm học viên cho các trung tâm Định hướng và Điều chỉnh Tật mù; nói cách khác, làm việc cộng tác chặt chẽ với các trung tâm định hướng và điều chỉnh tật mù chương trình sẽ đem lại hiệu quả hơn khi nó nhấn mạnh nghề thủ công như là công việc bận rộn nhất của người mù và khi nó dạy chữ Braille cho người mù, trong khi người mù không bao giờ sử dụng đến nó.

Luật Gậy trắng hiện nay được ban hành ở hầu hết các bang của nước Mỹ. Nó cho người mù một địa vị pháp lí trong giao thông, điều chỉnh sự phân biệt đối xử trong đạo luật về xao lãng của người tham gia giao thông và làm một việc có ý nghĩa để cho người mù có quyền di chuyển tự do như là một con người và theo quy định của hiến pháp, cũng giống như chiếc gậy trắng đã là một việc có ý nghĩa để chứng tỏ khả năng thể chất của người mù trong di chuyển tự do.

Về đòi hỏi phải có nghị lực tốt ở trong nhiều luật lệ về việc làm thì như thế nào? Dĩ nhiên, có một số việc đòi hỏi thị lực hoàn toàn tốt mới làm được như: đi săn bằng súng, lái ô tô tải, thợ chụp ảnh các con thú hoang dã ở dịch vụ công viên quốc gia... Người mù bị gạt bỏ ra ngoài một cách chính đáng. Khi thị lực không cần thiết như trường hợp hàng ngày việc làm công và tư mà hiện nay người mù bị ngăn cấm không được làm vì sự gạt bỏ người mù ra ngoài là không thể biện minh đúng đắn được. Ở nhiều trường hợp trong số nói trên, sự ngăn cấm còn duy trì được là việc này chỉ có các hiểu biết sai lầm về tật mù hướng dẫn cho họ thôi. Các luật lệ về việc làm sẽ không tạo thuận lợi cho người mù làm việc nếu chúng không dựa trên phẩm chất thật của người mù trong hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Điều nhận thấy rõ ràng là người mù làm việc thuận lợi hơn ở các chương trình do người mù làm việc và quản lí ở chương trình ấy. Ở trường hợp này, tật mù là một tài sản tạo thuận lợi những người mù lao động được học kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, lòng tự tin từ những người mù đi trước, những người mù quản lí. Các thứ này không có cách nào khác để gìn giữ bằng chính bản thân tự người mù gìn giữ lấy cho họ.

Bây giờ, ta chuyển sang vấn đề trợ giúp công. Sự tự do trong điều khiển công việc của cá nhân toàn là nguyên tắc cơ bản về tự quản lí bị vi phạm bởi chế độ trắc nghiệm phương tiện. Với chế độ này, các cá nhân nhận trợ giúp công nhanh chóng mất đi sự kiểm soát các hoạt động hàng ngày của họ, cũng như mất đi sự kiểm soát quá trình và chiều hướng cuộc đời của người ấy. Khả năng tự điều khiển của người ấy bị xâm phạm, bị bỏ rơi. Ảnh hưởng của cán bộ xã hội gia tăng qua từng món thu, chi của cá nhân, mọi nguồn lợi của người ấy đều bị xã hội thẩm định. Đây là hậu quả không thể tránh khỏi của chế độ Trắc nghiệm Phương tiện cá nhân. Chế độ này là mới và được nuôi dưỡng bởi đạo luật và các luật lệ về quy chế

con người. Nó xen xọc vào đời tư của cá nhân qua các cuộc điều tra chi tiết về riêng tư. Rõ ràng nó ràng buộc khiến cho cá nhân không thể thoát ra khỏi nó. Những gì cán bộ xã hội muốn hay có ý định làm, bàn tay người ấy trở thành cơ quan điều khiển công việc của người được nhận sự trợ giúp công. Sự quan tâm đến tất cả các nguồn thu nhập của người được nhận trợ giúp công luôn là một mối đe dọa cho sự tự do của người ấy.

Không chỉ sự tự do bị vi phạm bởi chế độ Trắc nghiệm Phương tiện mà ngay cả phẩm giá và sự bình đẳng cũng bị tổn thương. Cũng với các lí do đã nêu, phẩm giá của người muốn tìm kiếm để nhận trợ giúp công bị tổn hại ngay lần điều tra đầu tiên về tài chính của cá nhân người ấy. Người ấy bị hỏi từng chi tiết một trong nhu cầu về cuộc sống, thói quen, quan hệ gia đình. Người ấy buộc phải lập một sổ ghi chép chi tiết từng khoản thu, chi và bị cán bộ xã hội kiểm tra, xem xét nhiều lần lại còn bị đe dọa nếu thái độ của người ấy là thiếu hợp tác hay không phù hợp thì sự trợ giúp sẽ bị giảm bớt hay bị ngừng và cá nhân sẽ bị cơ quan và cán bộ xã hội kiểm soát chiều hướng của các việc làm của cá nhân và bằng việc xen xọc vào đời sống riêng tư của người ấy một cách không đảm bảo.

Sự xen xọc quá mức vào cá nhân của chế độ trắc nghiệm Phương tiện cả về mặt thiết kế và hoạt động là sự đối lập cơ bản với ý niệm về sự bình đẳng.

Chế độ Trắc nghiệm Phương tiện cũng vi phạm quan niệm về xã hội, cá nhân, sự tiếp cận vào các hoạt động sinh lợi của trào lưu chính của cộng đồng, vào các lĩnh vực kích thích bình thường. Vì chế độ Trắc nghiệm Phương tiện đòi hỏi người muốn nhận trợ giúp công phải kê khai tất cả thu nhập và các nguồn tài chính khác của người ấy và sử dụng các nguồn lực này để chi dùng cho nhu cầu hiện hành của người ấy, mức trợ giúp sẽ giảm tương ứng với số tài chính người ấy có được; Cách này đã không kích thích người nhận trợ giúp để tăng thu nhập, vì sợ bị giảm bớt hay cắt bỏ sự trợ giúp, trừ khi người ấy vẫn tin là mình có đủ khả năng và lòng can đảm để tự lo toan cho bản thân, nếu có bị giảm bớt hay cắt bỏ sự trợ giúp.

Sự trợ giúp như là một quyền của người tiếp nhận đòi hỏi phải thiết lập ra những luật lệ cố định và đồng nhất quy định rõ các tiêu chuẩn và các điều kiện để được nhận sự trợ giúp. Do đó các nét chính của hệ thống phải do cơ quan lập pháp

ban hành thành luật. Do đó từ đó những người có hoàn cảnh giống nhau nhất thiết phải được đối xử theo những tiêu chuẩn giống nhau có thể so sánh được với những người khác, nhóm khác. Cách trợ giúp này đối nghịch với cách làm của Trắc nghiệm Phương tiện. Sự trợ giúp dựa trên nhu cầu của từng cá nhân riêng biệt do cơ quan hành chính xem xét, quyết định một cách kín đáo, che khuất.

Sự trợ giúp như là một quyền bảo vệ sự tự do của cá nhân trong quản lý công việc của bản thân họ và tiến hành cuộc sống của cá nhân không có sự kiểm soát của các quan chức hay giám sát các vụ việc. Nó bảo vệ phẩm giá của cá nhân. Cá nhân được đối xử như là thành viên của một nhóm được xử lý theo cùng cách do pháp luật quy định, không phải bằng sự tùy tiện, che khuất về hành chính. Nó loại bỏ được sự xâm phạm vào sự riêng tư cá nhân, không bị giám sát về sự ứng xử của cá nhân, không làm cho bị sỉ nhục.

Cuối cùng là vấn đề phục hồi chức năng. Như tôi đã nói nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động hướng nghiệp, phục hồi chức năng là khắc phục quan điểm xã hội về sự tàn phế, bất lực của tật mù, chứ không phải sự tàn tật thể chất của tật ấy. Nó bao gồm việc tạo ra một môi trường trong xã hội, cho các chương trình cho người mù và ngay cả ở trong người mù với ý nghĩa đầy đủ nhất là dẫn tới người mù có cuộc sống bình thường. Nó bao gồm việc mở toang kênh tham gia xã hội, có nghĩa là: tạo cho người mù được hưởng lợi ích của các tiêu chuẩn xã hội xác định : Sự tự do, bình đẳng, tài sản và phẩm giá. Các công cụ được thử thách qua thời gian của hoạt động hướng nghiệp phục hồi chức năng bao gồm: Dạy định hướng, huấn luyện, hướng nghiệp, tư vấn và diu dắt. Các hoạt động này cổ vũ và mở rộng chân trời và dĩ nhiên, cuối cùng là sự sắp xếp việc làm có lương ở mọi dạng ngành nghề của cộng đồng.

Dựa trên quan niệm đúng đắn về chức năng của nó, cũng như trong việc sử dụng các công cụ của nó đã được thử thách qua thời gian. Có thể nói, chương trình hướng nghiệp, phục hồi chức năng cho người mù của nước Mỹ, về nhiều phương diện là một sự thất bại. Niềm hy vọng và cơ hội thì đo bằng dặm Anh, trong khi các thành tựu thực tế chỉ đo bằng phân Anh.

Phục hồi chức năng, cụ thể là quá trình phục hồi chức năng cho cá nhân là một quá trình phức tạp, trong đó, yếu tố về tinh thần, tình cảm là có tính bao trùm.

Nó bao gồm vô số vận dụng, về bản chất, không đơn thuần là về thể chất mà xã hội và tâm lý áp đặt. Trên thực tế toàn bộ nhân cách con người phải trải qua sự xây dựng lại. Niềm tin của người mù về sự kém khả năng của họ mà họ tiếp nhận từ quan niệm sai lầm của công chúng về tật mù phải được gỡ bỏ, một sự tái sinh, một hành động mới để sáng tạo phải được tiến hành. **Trong quá trình này, tham vọng, niềm hy vọng và sự tự tin của người mù là các yếu tố thiết yếu để làm việc này.** Hệ quả là phục hồi chức năng đặt dưới sự chỉ huy của tư vấn hay quy phục thái độ của ông ta hoặc bị ràng buộc bởi sự trợ giúp công không đúng đắn sẽ mâu thuẫn với quá trình này. Do vậy, nó sẽ trở nên vô ích. Nó vô ích chẳng khác gì nói với một người: Hãy cân bằng tình cảm của người ấy trong khi lại thêm các yếu tố làm gia tăng sự mất thăng bằng.

Do mục tiêu của phục hồi chức năng là phục hồi vai trò bình thường và hữu ích của cá nhân trong xã hội, các tiêu chuẩn của sự thành công phần lớn được xác định qua văn hóa. Do vậy, mỗi người mù đã được phục hồi chức năng có nghĩa là một người mà các quan niệm và các mục tiêu của cộng đồng đã trở nên có ý nghĩa chẳng khác gì đối với những người khác. Thực tế người ấy đã hoàn thành bình đẳng về cơ hội để đi vào việc làm theo sự lựa chọn của người ấy; để có được và sử dụng tài sản; để thực thi các quyền về sự độc lập cá nhân và để hành động theo các quan niệm và các nguyên tắc đã nêu ở phần trên. **Giống như thói quen về tự do, không thể học qua chế độ nô lệ, tham vọng không thể học qua sự rút lui, sự tự quản không thể học qua sự kiểm soát của quyền uy, sự kích thích không thể học qua sự chối bỏ hy vọng có được và sự tự trọng không thể học qua quy chế công dân hạng hai; phục hồi chức năng không thể học được bằng tôn sùng các thái độ gây thất bại hay chán nản phục hồi chức năng.** Một chương trình phục hồi chức năng liên tục gieo vào người mù ý niệm về sự bất lực và phụ thuộc của người ấy, tạo ra một bầu không khí kém tin tưởng, nghi ngờ, một cảm giác về thất bại, phô bày thái độ cạnh tranh, cừu mang, chương trình ấy không thể tránh khỏi hủy hoại lòng tin, niềm hy vọng, ý thức sự cải tiến, tiêu hủy những sáng kiến là những thứ cần thiết cho sự phục hồi chức năng của người mù.

Phục hồi chức năng bằng cổ vũ, mở ra các chân trời mới, bằng cách giúp đỡ người mù hoàn thành được các mục tiêu do họ lựa chọn, bằng cách lên kế hoạch

cần thận để khuyến khích các hoạt động sinh lợi thông qua các kích thích bình thường như: giữ được thu nhập, nâng cao được tiêu chuẩn sống tích lũy được tài sản nhất là của cá nhân, kiểu phục hồi chức năng này là đồng nhất với quan niệm chính trị, sự kích thích về kinh tế, phù hợp với các tiêu chuẩn của dân chủ trong ứng xử và kiến thức xã hội hiện hành.

Sự tư vấn lạc quan và khéo léo dựa trên kinh nghiệm của cá nhân đối với sự tàn phế của tật mù và các vấn đề của nó được coi là để hoàn thành nhiệm vụ tế nhị này. Ở các chương trình hiện nay, kiểu tư vấn này chưa được cung ứng. Trái lại, các cán bộ phục hồi chức năng rất thường xuyên tiêm nhiễm về quan niệm bất lực của tật mù. Ở các chương trình hiện nay, người mù được nghĩ là phải dừng ở một loạt các việc làm rập khuôn cổ xưa. ở các chương trình này cần phải bố trí một cán bộ chứng tỏ có niềm tin ở khả năng người mù. Cán bộ này sẽ giúp người mù đi vào lĩnh vực mà họ tự lựa chọn. Ít việc được làm ở các chương trình hiện nay để tăng cường bố trí cán bộ theo chức năng không thể tránh khỏi này của cơ quan phục hồi chức năng. Đối với người mù, phục hồi chức năng rất khó khăn và dài lâu. Nó không thể hoàn thành bằng cách tự động giao người mù cho chủ sử dụng lao động. Nó chỉ có thể hoàn thành bằng cách áp dụng các kỹ năng chuyên môn hóa, cá nhân hóa cao độ, bằng các cuộc tiếp xúc có tính khẳng định với chủ sử dụng lao động, bằng tìm kiếm tích cực các cơ hội việc làm bằng trình diễn và theo dõi cá nhân.

Ít việc được làm ở các chương trình hiện nay để dỡ bỏ các ách tắc về việc làm của từ tàn tật thể chất của tật mù. Tình trạng này đang tồn tại trong đầu óc của công chúng trong các đạo luật về qui chế, trong các luật lệ về hành chính và trong hành động của các cơ quan. Trên hết, đó là bản chất thật của sự tàn phế và các phần tử cấu thành ra nó, đặc biệt là quan niệm xã hội và tâm lý, nó khác biệt rõ ràng với các phần tử về thể chất và y tế, chức năng và mục tiêu phù hợp của phục hồi chức năng, mối quan hệ giữa sự tàn tật với sự phụ thuộc, đặc biệt là sự phụ thuộc về kinh tế vai trò hiện nay và tới đây của sự trợ giúp bằng tài chính công về mặt bảo hiểm xã hội cũng như về sự trợ giúp công đối với việc phục hồi chức năng cho người mù. Xác định tính chất của sự tái hòa nhập xã hội của người mù là như thế nào, các yếu tố: Tự do, bình đẳng, tài sản và phẩm giá có vai trò như thế nào

trong tái hòa nhập xã hội ? Các vấn đề cơ bản và cấp bách trên đây chưa bao giờ được phân tích một cách đầy đủ bởi những người có trách nhiệm trong lĩnh vực hướng nghiệp phục hồi chức năng cho người mù.

Cho đến khi các vấn đề trên đây được thay đổi, cho tới khi nhiều việc đã được làm định hướng lại sự huấn luyện và chức năng của chương trình phục hồi chức năng cho người mù.

Khó bố trí được việc làm cho những người mù đã được phục hồi chức năng ở khu vực việc làm có tính cạnh tranh. Khó mà dỡ bỏ được các rào cản về pháp lý, về hành chính và các rào cản khác để bố trí việc làm cho người mù ở các dịch vụ công, ở các doanh nghiệp và cơ sở thương mại hay ở các nghề nghiệp khác ở cộng đồng

tiến sỹ Jacobus Ten-Broek